

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HSST
Ngày 09 - 5 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hùng T

Ông Nguyễn Duy T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh V - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T**, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1985 tại thành phố V, tỉnh P; Nơi thường trú: Tổ 65, khu V, phường P, thành phố V, tỉnh P; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn Ph và bà Lê Thị Ng; Có chồng là Nguyễn Anh T và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2025); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại phường P, thành phố V, tỉnh P. (Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đội thuế liên huyện V - L; Địa chỉ: Đường Vũ Thê Lang, xã T, thành phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tài T, chức danh: Đội trưởng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1963; Địa chỉ: Phố T, phường D, thành phố V, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 65, khu V, phường P, thành phố V, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1992; Phố T, phường D, thành phố V, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Cháu Nguyễn Lê Hiền M, sinh ngày 19/11/2007.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1980 - Là bố đẻ cháu M; Đều có địa chỉ: Tổ 65, khu V, phường P, thành phố V, tỉnh P. (Cháu M và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 06/01/2024, tại khu đô thị P, phường P, thành phố V, tỉnh P, tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P tiến hành kiểm tra phát hiện anh Tạ Văn Xiêm, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Phường M, thành phố V, tỉnh P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ biển kiểm soát 19L-0347 kéo theo xe cải tiến chở theo 05 túi nilon, 01 bao tải và 13 thùng cattong với tổng số 134 sản phẩm (gồm rượu, chè, bánh kẹo, ẩm chén, chăn, ô che...) không có hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, đồng thời anh Xiêm khai nhận số hàng hóa trên được bốc xếp từ kho hàng tại tổ 65, khu V, phường P, thành phố V, tỉnh P của Lê Thị T, sinh năm 1985; Nơi thường trú: Tổ 65, khu V, phường P, thành phố V, tỉnh P đang trên đường vận chuyển đến Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh Thuận Phong - Chi nhánh Thái Nguyên - Bru cục P, thành phố V. Mở rộng xác minh, cùng ngày, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P đã phối hợp với Cục quản lý thị trường tỉnh P, Công an phường P tiến hành làm việc tại kho hàng của Lê Thị T tại tổ 65, khu V, phường P, thành phố V, tỉnh P phát hiện 12.150 sản phẩm gồm các loại hàng hóa sau: 11.381 sản phẩm là quần áo, giày dép không có tem, nhãn mác; 20 sản phẩm là đồ gia dụng; 112 sản phẩm là hóa mỹ phẩm; 637 sản phẩm là quần áo, giày dép có gắn tem nhãn mác của các nhãn hiệu MLB, Thom Brown, Gucci, Prada, Louis Vuitton, Levis, Dior, Buberly, Tommy, Chanel, Fendi, Hermes, Adidas, Lacoste, Michel Kors, Cross. Lê Thị T không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ của số hàng hóa nêu trên đồng thời khai nhận số hàng hóa này được mua của nhiều chủ hàng ở các tỉnh, thành phố sau đó về bán lẻ cho khách hàng nên Cơ quan công an đã tiến hành tạm giữ đối với 12.150 sản phẩm. Tổng hàng hóa mà T bị tạm giữ là 12.284 sản phẩm.

Ngày 05/03/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P xác định có dấu hiệu tội phạm “Trốn thuế” nên đã có Quyết định số: 122 chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P để điều tra, xác minh vụ việc theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã xác định như sau:

1. Thông tin người nộp thuế và tình hình kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế của cá nhân Lê Thị T:

Cá nhân Lê Thị T số CCCD: 025185012982 được Chi cục Thuế Thành phố V cấp mã số thuế số: 8768276572-001 vào ngày 25/07/2022; Địa chỉ kinh doanh: Khu đô thị P, phường P, thành phố V, tỉnh P; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh quần áo.

Loại hình kinh tế: Hộ kinh tế cá thể; Các loại thuế phải nộp: Thuế giá trị gia tăng (viết tắt là: Thuế GTGT), thuế thu nhập cá nhân (viết tắt là: Thuế TNCN), lệ phí môn bài; Phương pháp tính thuế: Phương pháp khoán.

Trong giai đoạn năm 2021 và từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022, cá nhân Lê Thị T thực hiện kê khai theo từng lần phát sinh, thời điểm thực hiện kê khai: Tháng 07/2022. Từ tháng 08/2022 đến hết tháng 12/2023: Kê khai theo doanh thu hộ khoán ổn định từng năm. Doanh thu khoán năm 2022 là 05 tháng (từ tháng 08/2022 đến tháng 12/2022); doanh thu khoán năm 2023 là 10 tháng do cá nhân kinh doanh Lê Thị T có hồ sơ xin nghỉ kinh doanh và đã được duyệt 02 tháng. Cụ thể việc kê khai, nộp thuế của Lê Thị T như sau:

- Kê khai doanh thu năm 2020: 3.595.000.000đ (ba tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), thuế GTGT: 35.950.000đ (ba mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng), thuế TNCN: 17.975.000đ (mười bảy triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), lệ phí môn bài: 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Kê khai doanh thu năm 2021: 4.681.000.000đ (bốn tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu đồng), thuế GTGT: 46.810.000đ (bốn mươi sáu triệu, tám trăm mười nghìn đồng), thuế TNCN: 23.405.000đ (hai mươi ba triệu, bốn trăm linh năm nghìn đồng), lệ phí môn bài: 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Kê khai doanh thu năm 2022: 1.246.666.667đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), thuế GTGT: 12.466.667đ (mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), thuế TNCN: 6.233.333đ (sáu triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), lệ phí môn bài: 1.000.000đ (một triệu đồng). Tiền chậm nộp thuế GTGT: 13.457.000đ (mười ba triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng), chậm nộp TNCN: 4.700.000đ (bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng), chậm nộp phí: 488.000đ (bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Kê khai doanh thu năm 2023: 1.333.333.334đ (một tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng), thuế GTGT: 11.800.000đ (mười một triệu, tám trăm nghìn đồng), thuế TNCN: 5.900.000đ (năm triệu, chín trăm nghìn đồng), lệ phí môn bài: 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tổng số tiền Lê Thị T đã nộp thuế, lệ phí và chậm nộp theo doanh thu tự khai vào ngân sách nhà nước tính đến ngày 08/01/2024 là: 183.245.000đ (một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: Thuế GTGT: 107.026.667đ (một trăm linh bảy triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), thuế TNCN: 53.513.333đ (năm mươi ba triệu, năm trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), lệ phí môn bài: 4.000.000đ (bốn triệu đồng), tiền chậm nộp thuế GTGT: 13.457.000đ (mười ba triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng), tiền chậm nộp thuế TNCN: 4.760.000đ (bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), tiền chậm nộp phí: 488.000đ (bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

2. Hình thức, tình hình hoạt động kinh doanh của cá nhân Lê Thị T:

Khoảng năm 2014, Lê Thị T thực hiện kinh doanh các mặt hàng quần áo, giày dép, đồ gia dụng, mỹ phẩm...các hàng hóa trên đều là hàng hóa được phép kinh doanh thông thường, không cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh, không thuộc hàng hóa không chịu thuế hoặc giảm thuế. T thực hiện kinh doanh tại nhà thuộc tổ 65, khu V, phường P, thành phố V, tỉnh P, tuy nhiên thời gian này số lượng hàng hóa xuất bán ít. Đến khoảng năm 2021, do số lượng khách hàng tăng, T thực hiện hình thức kinh doanh online thông qua mạng xã hội Facebook, lập tài khoản “T hàng thùng VIP - Fur”, sử dụng tài khoản trên để quảng cáo sản phẩm, sử dụng ứng dụng “Live stream” (phát trực tiếp) bán hàng cho các khách hàng có nhu cầu. T thông qua các mối quan hệ và mạng xã hội để đặt mua hàng hóa về bán và hàng hóa được đóng gói gửi đến địa chỉ mà T cung cấp. Do bán lẻ cho khách hàng mua sử dụng, không yêu cầu xuất hóa đơn nên T không yêu cầu bên bán hàng cho mình xuất hóa đơn và T cũng không xuất hóa đơn cho bên mua hàng của mình. Sau mỗi buổi live stream bán hàng, khi có khách đặt hàng, T cho nhân viên tổng hợp, lên đơn hàng và thuê hai đơn vị vận chuyển giao hàng và thu hộ tiền hàng của khách. Cụ thể:

- Thuê Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh Thuận Phong (viết tắt là: Công ty J&T) vận chuyển giao hàng cho khách và thu tiền bán hàng (tiền COD) sau đó chuyển cho Lê Thị T thông qua các tài khoản do T cung cấp, tổng số tiền **195.203.442.596đ** (một trăm chín mươi lăm tỷ, hai trăm linh ba triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó: Chuyển đến tài khoản số 191199999 mang tên Nguyễn Lê Hiền M (con gái T mở tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh P số tiền **48.676.111.708đ** (bốn mươi tám tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm mười một nghìn, bảy trăm linh tám đồng); chuyển đến tài khoản số 032519648 mang tên Lê Thị Nga (mẹ của T) mở tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh P số tiền **62.322.437.196đ** (sáu mươi hai tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng); chuyển đến tài khoản số 6980156868888 mang tên Nguyễn Thị Hồng Nhung (em gái T) mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh P số tiền **84.204.893.692đ** (tám mươi tư tỷ, hai trăm linh tư triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi hai đồng). Tuy nhiên, dữ liệu chuyển phát lưu trữ của Công ty J&T không đầy đủ nên chỉ xác định được trong năm 2021 Công ty J&T đã giao hàng và thu hộ tiền hàng là 45.485 đơn hàng tương ứng số tiền **26.643.049.315đ** (hai mươi sáu tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng); năm 2022 là 92.814 đơn hàng tương ứng số tiền **66.719.083.201đ** (sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm mười chín triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm linh một đồng); năm 2023 là 98.477 đơn hàng tương ứng số tiền **79.144.666.453đ** (bảy mươi chín tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng). Tổng số đơn hàng mà Công ty J&T đã giao cho khách hàng của T là 236.777 đơn và thu hộ tổng số tiền sau khi đã trừ chi phí vận chuyển là **172.506.798.969đ** (một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm linh sáu triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng). Số tiền chênh lệch giữa chuyển khoản và số liệu các đơn hàng được ghi nhận là **195.203.442.596đ - 172.506.798.969đ = 22.696.643.627đ** (hai mươi hai tỷ, sáu

trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng) là tiền bán hàng mà Công ty J&T thu hộ thanh toán cho T nhưng không xác định được cụ thể đơn hàng nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định đây là doanh thu bán hàng đối với khoản tiền này.

- Thuê Bưu điện tỉnh P vận chuyển giao hàng cho khách và thu hộ tiền hàng của khách cho T trong năm 2022 là 38.630 đơn hàng tương ứng số tiền **28.012.923.898đ** (hai mươi tám tỷ, không trăm mười hai triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng); năm 2023 là 87.397 đơn tương ứng số tiền **59.762.532.177đ** (năm mươi chín tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng). Ngoài ra, Cơ quan điều tra xác định số hàng hóa được hoàn trả lại do không giao được hàng tương ứng với số tiền **482.367.184đ** (bốn trăm tám mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi tư đồng), số tiền cước vận chuyển của năm 2022 và 2023 là **3.250.445.881đ** (ba tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi một đồng). Vì vậy, doanh thu từ bán hàng của Lê Thị T trong năm 2022, 2023 sau khi trừ tiền hàng được hoàn trả và chi phí vận chuyển là **87.775.456.075đ - 482.367.184đ - 3.250.445.881đ = 84.042.643.010đ** (tám mươi tư tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm mười đồng). Số tiền nêu trên được chuyển đến tài khoản ngân hàng số 2710215029456 mang tên anh Nguyễn Anh T (chồng của T) được mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

=> Như vậy, trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, Lê Thị T đã bán tổng số 362.803 đơn hàng với tổng doanh thu bán hàng là **256.549.441.979đ** (hai trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng). Cụ thể:

- Năm 2021: Lê Thị T đã bán tổng 45.485 đơn hàng, tiền bán hàng thu được là **26.643.049.315đ** (hai mươi sáu tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

- Năm 2022: Lê Thị T đã bán tổng 131.444 đơn hàng, tiền bán hàng thu được là **93.777.167.225đ** (chín mươi ba tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng).

- Năm 2023: Lê Thị T đã bán tổng 185.874 đơn hàng, tiền bán hàng thu được là **136.129.225.439đ** (một trăm ba mươi sáu tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng).

Đối chiếu giữa doanh thu thực tế mà Lê Thị T bán hàng thu được với doanh thu đã kê khai chênh lệch, xác định được doanh thu không kê khai thuế cụ thể như sau:

- Năm 2021: Doanh thu thực tế là 26.643.049.315đ (hai mươi sáu tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng) trừ doanh thu đã kê khai thuế 4.681.000.000đ (bốn tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu đồng), bằng doanh thu không kê khai thuế là **21.962.049.315đ** (hai mươi một tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

- Năm 2022: Doanh thu thực tế là 93.777.167.225đ (chín mươi ba tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) trừ doanh

thu đã kê khai thuế là 1.246.666.667đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) bằng doanh thu không kê khai thuế là **92.530.500.558đ** (chín mươi hai tỷ, năm trăm ba mươi triệu, năm trăm nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng).

- Năm 2023: Doanh thu thực tế là 136.129.225.439đ (một trăm ba mươi sáu tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng) trừ doanh thu đã kê khai thuế là 1.333.333.334đ (một tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng) bằng doanh thu không kê khai thuế là **134.795.892.105đ** (một trăm ba mươi tư tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, một trăm linh năm đồng).

=> Tổng doanh thu bán hàng của Lê Thị T đã không thực hiện kê khai nộp thuế là: 249.288.441.978đ (hai trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

3. Kết quả trưng cầu giám định Thuế:

Ngày 29/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã ra Quyết định Trưng cầu giám định số: 268 đề nghị Cục thuế tỉnh P giám định về thuế trong hoạt động kê khai thực hiện nghĩa vụ thuế của Lê Thị T. Tại Kết luận giám định các nội dung theo trưng cầu giám định thuế ngày 26/04/2024 của Cục thuế tỉnh P kết luận:

" 1. Xác định hành vi vi phạm:

...Trong các năm 2021, 2022, 2023, Lê Thị T là cá nhân kinh doanh đang kê khai, nộp thuế theo phương pháp khoán. Quá trình kinh doanh mặc dù có thay đổi quy mô kinh doanh, doanh thu (tăng trên 50%) so với doanh thu đã khoán nhưng không thực hiện kê khai điều chỉnh, bổ sung Tờ khai thuế theo quy định.

Từ năm 2022, 2023, Lê Thị T là cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đã xác định được doanh thu thực tế của năm trước liền kề là trên 10 tỷ đồng/năm, thuộc nhóm "Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn" và phải áp dụng nộp thuế theo phương pháp kê khai, thực hiện đầy đủ chế độ kế toán áp dụng đối với hộ kinh doanh. Tuy nhiên Lê Thị T không thực hiện khai báo với cơ quan thuế để chuyển đổi phương pháp tính thuế từ phương pháp khoán sang phương pháp kê khai, không mở sổ kế toán theo dõi các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định.

Với hành vi nêu trên, xác định: Lê Thị T đã có hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 143 Luật quản lý thuế số: 38/2019/QH14 và Điều 17 Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

2. Kết luận về số thuế thiệt hại:

Xác định thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của Luật Quản lý thuế và các Luật Thuế như sau:

Căn cứ hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BTC, ngành nghề kinh doanh của Lê Thị T thuộc danh mục ngành nghề tính thuế GTGT, thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: "Phân phối, cung cấp hàng hóa: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 1%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân

là 0,5%". Trên cơ sở đó, giám định viên xác định thiệt hại về thuế GTGT, thuế TNCN đối với các hoạt động kinh doanh của Lê Thị T như sau:

Năm 2021:

- Doanh thu tính thuế GTGT, thuế TNCN là: 21.962.049.315đ (hai mươi một tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

- Tỷ lệ tính thuế GTGT: 1%.

Số thuế GTGT phải nộp = $21.962.049.315đ \times 1\% = 219.620.493đ$ (hai trăm mười chín triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng).

- Tỷ lệ tính thuế TNCN: 0,5%.

Số thuế TNCN phải nộp = $21.962.049.315đ \times 0,5\% = 109.810.247đ$ (một trăm linh chín triệu, tám trăm mười nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Năm 2022:

- Doanh thu tính thuế GTGT, thuế TNCN là: 92.530.500.558đ (chín mươi hai tỷ, năm trăm ba mươi triệu, năm trăm nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng).

- Tỷ lệ tính thuế GTGT: 1%.

Số thuế GTGT phải nộp = $92.530.500.558đ \times 1\% = 925.305.006đ$ (chín trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm linh năm nghìn, không trăm linh sáu đồng).

- Tỷ lệ tính thuế TNCN: 0,5%.

Số thuế TNCN phải nộp = $92.530.500.558đ \times 0,5\% = 462.652.503đ$ (bốn trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm linh ba đồng).

Năm 2023:

- Doanh thu tính thuế GTGT, thuế TNCN là: 134.795.892.105đ (một trăm ba mươi tư tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, một trăm linh năm đồng).

- Tỷ lệ tính thuế GTGT: 1%.

Số thuế GTGT phải nộp = $134.795.892.105đ \times 1\% = 1.347.958.921đ$ (một tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi một đồng).

- Tỷ lệ tính thuế TNCN: 0,5%.

Số thuế TNCN phải nộp = $134.795.892.105đ \times 0,5\% = 673.979.461đ$ (sáu trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng).

=> Căn cứ kết quả giám định trên, Lê Thị T bị xử lý thiệt hại về thuế như sau: Số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước là: **3.739.326.630đ (ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng)**. Trong đó thuế GTGT: 2.492.884.420đ (hai tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi đồng); thuế TNCN: 1.246.442.210đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng).

3. Kết luận về xử lý vi phạm

Với hành vi trốn thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế nêu trên, Lê Thị T phải nộp đủ số tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước là: **3.739.326.630đ (ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng)**. Trong đó thuế GTGT: 2.492.884.420đ (hai tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi đồng); thuế TNCN: 1.246.442.210đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng).

ngàn, bốn trăm hai mươi đồng); thuế TNCN: 1.246.442.210đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng).

Đồng thời căn cứ vào mức độ vi phạm, Lê Thị T bị xử phạt từ 01 đến 03 lần tính trên số tiền trốn thuế theo quy định tại Điều 17 Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ."

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Từ ngày 12/01/2024 đến ngày 22/01/2024, Lê Thị T đã tự nộp tổng số tiền 5.250.000.000đ (Năm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng) qua mạng (Etaxmobile) vào Ngân sách Nhà nước, tuy nhiên cho đến thời điểm ngày 24/06/2024, hộ kinh doanh Lê Thị T vẫn chưa thực hiện nộp hồ sơ kê khai thuế trên hệ thống TMS của cơ quan Thuế đối với số tiền nêu trên. Lê Thị T tiến hành nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước sau thời điểm Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh P tiến hành xác minh, kiểm tra hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với Lê Thị T tại Chi cục Thuế thành phố V và có công văn đề nghị Chi cục Thuế thành phố V không cho cá nhân Lê Thị T thực hiện kê khai điều chỉnh, bổ sung hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác có liên quan.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận hành vi vi phạm của mình là không mở sổ kế toán theo dõi các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định; việc kinh doanh hàng hóa do một mình T thực hiện, không trao đổi, bàn bạc với bất kỳ ai khác. T sử dụng tiền thu lợi vào chi tiêu cá nhân hết. T xác định từ ngày 12/01 đến ngày 22/01 năm 2024 đã tự nộp tổng số tiền thuế là 5.250.000.000đ (Năm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng) qua mạng (Etaxmobile) vào Ngân sách Nhà nước là để nộp khắc phục tiền thuế do trước đó T không mở sổ kế toán theo dõi các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định, nay căn cứ vào Kết luận giám định các nội dung theo trưng cầu giám định thuế ngày 26/04/2024 của Cục thuế tỉnh P, T nộp vào Ngân sách Nhà nước là: **3.739.326.630đ** (ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng). Trong đó thuế GTGT: 2.492.884.420đ (hai tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi đồng); thuế TNCN: 1.246.442.210đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng), còn dư số tiền: 1.510.673.370đ (một tỷ, năm trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi đồng) đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hành vi của Lê Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 3 điều 200 Bộ luật Hình sự.

4. Kết quả xác minh nguồn gốc những hàng hoá gắn nhãn mác có thương hiệu thu giữ của T:

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh P có Công văn số: 284/CV-CSKT đề nghị Công ty luật TNHH Thắng Phạm & Cộng sự, địa chỉ: Tầng 4, số 107 phố Núi Trúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin, tài liệu về nhãn mác hàng hoá đã thu giữ của T. Ngày 26/02/2024, Công ty luật TNHH Thắng Phạm & Cộng sự - đại diện theo ủy quyền của HERMES INTERNATIONAL có văn bản số 240226/TPA-03 xác định như sau:

- Các sản phẩm bị tạm giữ nói trên mang nhãn hiệu trùng với nhãn hiệu HERMES của Hermes International đã được bảo hộ tại Việt Nam.

- Các sản phẩm bị tạm giữ này không phải là sản phẩm của Hermes International hay bất kỳ chi nhánh/công ty con hoặc bất kỳ đơn vị thứ ba nào được Hermes International cho phép sản xuất và đưa ra thị trường. Mẫu nhãn hiệu bị sai phông chữ, chất liệu vải và đường chỉ của sản phẩm không đúng với quy cách và tiêu chuẩn của Hermes International.

- Bà Lê Thị T không có bất kỳ quan hệ kinh doanh nào với Hermes International và không được Hermes International nhượng quyền hoặc cho phép tàng trữ để bán hay mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm nói trên tại Việt Nam.

- Do Hermes International không sản xuất các mẫu hàng thật tương ứng với các mẫu sản phẩm bị thu giữ nên Hermes International không thể cung cấp giá trị của hàng hóa tương ứng với các sản phẩm bị tạm giữ.

Vì vậy, các sản phẩm này là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2022. Ngoài ra, nhãn hiệu nêu trên được in trực tiếp trên sản phẩm, do đó không loại bỏ được yếu tố vi phạm.

Với những thông tin trên đây, chúng tôi trân trọng đề nghị quý cơ quan xử lý các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu nêu trên theo quy định của pháp luật, buộc tiêu hủy toàn bộ hàng hóa giả mạo nhãn hiệu nói trên nhằm bảo vệ quyền lợi cho chủ nhãn hiệu và người tiêu dùng. Đồng thời, chúng tôi kính đề nghị quý cơ quan thông báo và gửi cho chúng tôi các thông tin, các quyết định và tài liệu liên quan đến quá trình xử lý vụ việc này.

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P có Công văn số: 285/CV-CSKT đề nghị Công ty luật TNHH quốc tế BMVN, địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, Indochina Plaza Ha Noi, 241 phố Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin, tài liệu về nhãn mác hàng hoá đã thu giữ của T.

- Ngày 29/02/2024, Công ty luật TNHH quốc tế BMVN - đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu “MLB”, Major League Baseball Properties, Inc có văn bản số BMVN/51203464/01 xác định như sau:

+ Các sản phẩm bị tạm giữ có mẫu trong phụ lục mang nhãn hiệu trùng với nhãn hiệu đã được bảo hộ của Công ty MLB tại Việt Nam;

+ Các sản phẩm này không phải là sản phẩm của Công ty MLB hay bất kỳ chi nhánh/công ty con hoặc bất kỳ đơn vị thứ ba nào được Công ty MBL cho phép sử dụng nhãn hiệu sản xuất và cung cấp;

+ Bà Lê Thị T không phải là cá nhân được Công ty MBL ủy quyền hoặc cho phép sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam;

+ Không có cơ sở để xác định giá trị hàng hóa tương ứng với các sản phẩm bị tạm giữ nói trên.

Vì vậy, toàn bộ các sản phẩm bị tạm giữ có mẫu trong phụ lục là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thông qua hình ảnh sản phẩm bị tạm giữ, chúng tôi cũng nhận thấy rằng nhãn hiệu giả mạo trên sản phẩm là không thể tách rời, gỡ bỏ khỏi sản phẩm. Việc sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa này xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Công ty MLB tại Việt Nam.

Với những thông tin trên đây, chúng tôi trân trọng đề nghị quý cơ quan xử lý các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu, cũng như cơ sở kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ các sản phẩm này và xem xét tiêu hủy các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu theo quy định pháp luật. Đề nghị quý cơ quan gửi cho chúng tôi bản sao các quyết định và tài liệu khác liên quan đến quá trình xử lý này.

- Ngày 29/02/2024, Công ty luật TNHH quốc tế BMVN - đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu “LACOSTE” có văn bản số: BMVN/29022024/02 xác định như sau:

- + Các sản phẩm bị tạm giữ có mẫu trong phụ lục mang nhãn hiệu trùng với nhãn hiệu đã được bảo hộ của Công ty LACOSTE tại Việt Nam;

- + Các sản phẩm này không phải là sản phẩm của Công ty LACOSTE hay bất kỳ chi nhánh/công ty con hoặc bất kỳ đơn vị thứ ba nào được Công ty LACOSTE cho phép sử dụng nhãn hiệu sản xuất và cung cấp;

- + Bà Lê Thị T không phải là cá nhân được Công ty LACOSTE ủy quyền hoặc cho phép sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam;

- + Không có cơ sở để xác định giá trị hàng hóa tương ứng với các sản phẩm bị tạm giữ.

Vì vậy, các sản phẩm bị tạm giữ có mẫu trong phụ lục là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngoài ra các nhãn hiệu nêu trên được in (gắn) trực tiếp trên sản phẩm, do đó không loại bỏ được yếu tố vi phạm việc sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa này xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Công ty LACOSTE tại Việt Nam.

Với những thông tin trên đây, chúng tôi trân trọng đề nghị Quý Cơ quan xử lý nghiêm đối với bà Lê Thị T về hành vi kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định của pháp luật. Đề nghị quý cơ quan gửi cho chúng tôi bản sao các quyết định và tài liệu khác liên quan đến quá trình xử lý này.

- Ngày 29/02/2024, Công ty luật TNHH quốc tế BMVN - đại diện theo ủy quyền của GUCCIO GUCCI S.P.A có văn bản số: BMVN/29022024/03 xác định như sau:

- + Các sản phẩm bị thu giữ có hình ảnh tại phụ lục của công văn này mang nhãn hiệu trùng với nhãn hiệu đã được bảo hộ của Công ty GUCCI tại Việt Nam;

- + Các sản phẩm bị thu giữ này không phải là sản phẩm của Công ty GUCCI hay bất kỳ chi nhánh/công ty con hoặc bất kỳ đơn vị thứ ba nào được Công ty GUCCI cho phép sử dụng nhãn hiệu và cung cấp;

- + Bà Lê Thị T không phải là cá nhân được Công ty GUCCI ủy quyền hoặc cho phép sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam;

- + Không có cơ sở để xác định giá trị hàng hóa tương ứng với các sản phẩm bị tạm giữ.

Vì vậy, toàn bộ sản phẩm bị thu giữ có hình ảnh tại phụ lục nói trên là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thông qua hình ảnh sản phẩm bị tạm giữ, chúng tôi cũng nhận thấy rằng nhãn hiệu giả mạo trên sản phẩm là không thể tách rời, gỡ bỏ khỏi sản phẩm. Việc sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa này xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Công ty GUCCI tại Việt Nam.

Với những thông tin trên đây, chúng tôi trân trọng đề nghị quý cơ quan xử lý các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu, cũng như cơ sở kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ các sản phẩm này và xem xét tiêu hủy các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu theo quy định pháp luật. Đề nghị quý cơ quan gửi cho chúng tôi bản sao các quyết định và tài liệu khác liên quan đến quá trình xử lý này.

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P có Công văn số: 287/CV-CSKT đề nghị Công ty luật TNHH IP MAX, địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Toserco, số 273 phố Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin, tài liệu về nhãn mác hàng hoá đã thu giữ của T.

- Ngày 29/02/2024, Công ty luật TNHH IP MAX - đại diện sở hữu công nghiệp theo uỷ quyền của Levi Strauss & Co. có văn bản số: 119/2024/IPM-CV xác định như sau:

+ Toàn bộ các sản phẩm mang các nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Levi Strauss & Co. được nêu trong Công văn số: 287/CV-CSKT ngày 23/02/2024 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh P đều không phải là hàng hóa do Levi Strauss & Co. sản xuất hoặc ủy quyền sản xuất. Chúng tôi xin khẳng định các mẫu sản phẩm này hay bất cứ mẫu sản phẩm nào tương tự trong lô hàng trên đều là các hàng hóa giả mạo nhãn hiệu của Levi Strauss & Co. được bảo hộ tại Việt Nam.

+ Chúng tôi xin xác nhận bà Lê Thị T, với các thông tin được nêu trong Công văn số: 287/CV-CSKT ngày 23/02/2024 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh P, không được ủy quyền làm đại lý, mua bán, hoặc kinh doanh đối với các sản phẩm mang nhãn hiệu của Levi Strauss & Co.

Chúng tôi kính đề nghị quý cơ quan xử lý, tiêu hủy các sản phẩm giả mạo các nhãn hiệu Levi Strauss & Co. và có biện pháp xử phạt thích đáng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Ngày 29/02/2024, Công ty luật TNHH IP MAX - đại diện sở hữu công nghiệp theo uỷ quyền của TOMY HILFIGER LICENSING B.V. có văn bản số: 120/2024/IPM-CV xác định như sau:

Toàn bộ các sản phẩm mang các nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Tommy Hilfiger được nêu trong Công văn số: 287/CV-CSKT ngày 23/02/2024 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh P đều không phải là hàng hóa do Tommy Hilfiger sản xuất hoặc ủy quyền sản xuất. Chúng tôi xin khẳng định các mẫu sản phẩm này hay bất cứ mẫu sản phẩm nào tương tự trong lô hàng trên đều là các hàng hóa giả mạo nhãn hiệu của Tommy Hilfiger được bảo hộ tại Việt Nam.

Chúng tôi xin xác nhận bà Lê Thị T, với các thông tin được nêu trong Công văn số: 287/CV-CSKT ngày 23/02/2024 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh P, không được ủy quyền làm đại lý, mua bán, hoặc kinh doanh đối với các sản phẩm mang nhãn hiệu của Tommy Hilfiger.

Chúng tôi kính đề nghị quý cơ quan xử lý, tiêu hủy các sản phẩm giả mạo các nhãn hiệu của Tommy Hilfiger và có biện pháp xử phạt thích đáng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P có Công văn số:

288/CV-CSKT đề nghị Công ty TNHH tư vấn THB, địa chỉ: Số 07 ngõ 202 đường Quyết Thắng, tổ 8, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin, tài liệu về nhãn mác hàng hoá đã thu giữ của T. Ngày 26/02/2024, Công ty TNHH tư vấn THB - đại diện sở hữu công nghiệp, thực thi và bảo vệ các quyền sở hữu nhãn hiệu cho Michael Kors International GmbH có văn bản số 270201/THB-CAKT xác định như sau:

- Hàng hóa mang nhãn mác Michael Kors đang tạm giữ không phải là sản phẩm do MICHAEL KORS sản xuất, phân phối, cho phép sản xuất, phân phối dưới bất kỳ hình thức nào. Hàng hóa mang nhãn mác MICHAEL KORS nêu trên là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu MICHAEL KORS đối với nhãn hiệu đã được đăng ký trong nhóm 25.

- Bà Lê Thị T không được cấp phép làm đại lý, mua bán, kinh doanh đối với sản phẩm của MICHAEL KORS.

- Đề nghị quý cơ quan: Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để xử phạt nghiêm minh hành vi kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu Michael Kors nêu trên của bên vi phạm; Xác định đúng phạm vi vi phạm và giá trị hàng hóa để có quyết định xử phạt vi phạm đúng pháp lý đối với bên vi phạm; Thực hiện việc tiêu hủy các sản phẩm vi phạm nêu trên bao gồm cả các bộ phận đi kèm và các phương tiện được dùng để thực hiện hành vi vi phạm.

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P có Công văn số: 289/CV-CSKT đề nghị Công ty luật TNHH Rouse Việt Nam, địa chỉ: Phòng 1003, Lầu 10, Tòa nhà Doji, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin, tài liệu về nhãn mác hàng hoá đã thu giữ của T. Ngày 29/02/2024, Công ty luật TNHH Rouse Việt Nam - đại diện sở hữu công nghiệp theo uỷ quyền của PRADA S.A. có văn bản số: 71/2024/RV-CV xác định như sau:

- Sản phẩm tạm giữ mang nhãn hiệu PRADA không phải là hàng hóa do PRADA S.A. sản xuất hoặc cho phép sản xuất và đưa ra thị trường. Do đó, các sản phẩm nêu trên là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu PRADA.

- PRADA S.A. khẳng định không ủy quyền phân phối hoặc bán hàng hóa nêu trên cho bà Lê Thị T.

- PRADA S.A. không sản xuất các sản phẩm tương ứng với các sản phẩm tạm giữ. Không thể cung cấp giá trị của sản phẩm chính hãng tương ứng tại thời điểm hiện nay.

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P có Công văn số: 290/CV-CSKT đề nghị Công ty luật TNHH VINA.IP, địa chỉ: phòng 15, tầng 14, số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin, tài liệu về nhãn mác hàng hoá đã thu giữ của T. Ngày 27/02/2024, Công ty luật TNHH VINA.IP - đại diện sở hữu công nghiệp theo uỷ quyền của LOUIS VUITTON MALLETTIER có văn bản số: 263/VINA.IP-CSKT.2024 xác định như sau:

- Hàng hóa bị tạm giữ gắn nhãn hiệu LOUIS VUITTON không phải hàng hóa do chủ sở hữu nhãn hiệu LOUIS VUITTON hoặc bất kỳ chi nhánh, công ty con hoặc bên thứ ba nào khác do chủ sở hữu nhãn hiệu này ủy quyền/nhượng quyền sản xuất/lưu hành tại Việt Nam mà đều là sản phẩm giả mạo nhãn hiệu (tức sử dụng nhãn hiệu trùng

lắp hoàn toàn nhưng không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu theo Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ).

- Bà Lê Thị T không có bất kỳ mối liên hệ nào với chủ sở hữu nhãn hiệu này (không được ủy quyền, nhượng quyền hoặc được cho phép sử dụng nhãn hiệu).

- Các sản phẩm bị tạm giữ không trùng lặp về mẫu mã, thiết kế, kiểu dáng, màu sắc, quy cách đóng gói với các mẫu sản phẩm chính hãng đang được bán tại thị trường Việt Nam (tức dấu hiệu giả mạo là nhãn hiệu) do đó không đủ cơ sở để cung cấp giá.

Chúng tôi kính đề nghị quý cơ quan tiến hành xử lý nghiêm hành vi vi phạm nêu trên theo đúng quy định của pháp luật và buộc tiêu hủy toàn bộ số hàng hóa giả mạo nhãn hiệu của LOUIS VUITTON đang bị tạm giữ trong vụ việc này.

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P có Công văn số: 290/CV-CSKT đề nghị Công ty tư vấn sở hữu trí tuệ IPT, địa chỉ: tầng 6, Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin, tài liệu về nhãn mác hàng hoá đã thu giữ của T. Ngày 27/02/2024, Công ty tư vấn sở hữu trí tuệ IPT - đại diện sở hữu công nghiệp theo uỷ quyền của CHANEL có văn bản số: 264/IPT-CSĐT-2024 xác định như sau:

- Hàng hóa bị tạm giữ không phải hàng hóa do chủ sở hữu nhãn hiệu CHANEL hoặc bất kỳ chi nhánh, công ty con hoặc bên thứ ba nào khác do chủ sở hữu nhãn hiệu này ủy quyền/nhượng quyền sản xuất/lưu hành tại Việt Nam mà đều là sản phẩm giả mạo nhãn hiệu (tức sử dụng nhãn hiệu trùng lặp hoàn toàn nhưng không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu theo Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ).

- Bà Lê Thị T không có bất kỳ mối liên hệ nào với chủ sở hữu nhãn hiệu này (không được ủy quyền, nhượng quyền hoặc được phép sử dụng nhãn hiệu).

- Các sản phẩm bị tạm giữ không trùng lặp về mẫu mã, thiết kế, kiểu dáng, màu sắc, quy cách đóng gói với các mẫu sản phẩm chính hãng đang được bán tại thị trường Việt Nam (tức dấu hiệu giả mạo là nhãn hiệu, không liên quan đến kiểu dáng) do đó không đủ cơ sở để cung cấp giá.

Chúng tôi kính đề nghị quý cơ quan tiến hành xử lý nghiêm hành vi vi phạm nêu trên theo đúng quy định của pháp luật và buộc tiêu hủy toàn bộ số hàng hóa giả mạo nhãn hiệu của CHANEL đang bị tạm giữ trong vụ việc này.

* Ngày 23/02/2024, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P làm việc với Công ty Luật TNHH Phạm & Liên danh, địa chỉ: số 08, đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xác định:

- Các sản phẩm tạm giữ không có mã an toàn, cách thể hiện logo và phong chữ trên sản phẩm không đúng theo tiêu chuẩn của hàng chính hãng. Do đó, đây không phải là các sản phẩm hàng hóa do các Công ty thuộc Tập đoàn Adidas sản xuất hoặc cho phép sản xuất. Vậy có đủ căn cứ kết luận đây là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2022.

- Do không có sản phẩm tương ứng nên không đủ căn cứ để xác định giá trị của các sản phẩm bị tạm giữ.

Đối với những hàng hóa gắn nhãn mác có các thương hiệu đã thu giữ của T, T khai nhận do kinh doanh hàng thùng (hàng đã qua sử dụng), các sản phẩm này T không mua về để bán mà được giao đến cho T lẫn trong các kiện hàng; T cũng không trực tiếp sản xuất, gia công hoặc thuê sản xuất, gia công các sản phẩm trên, T không xác định được đây là hàng giả nhãn mác hay hàng hóa do các hãng sản xuất; quá trình điều tra không thu giữ được dữ liệu những lần T live stream bán hàng trên mạng, vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Lê Thị T về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”.

Toàn bộ số tiền thu lời do bán hàng mà có, T đã chi tiêu cá nhân hết, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định T có hành vi phạm tội “Rửa tiền”.

Đối với Tạ Văn Xiêm là nhân viên của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh Thuận Phong - Chi nhánh Thái Nguyên - Bưu cục P được giao đến nhận hàng hóa tại kho của Lê Thị T nên Xiêm đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 19L7-0347 mang theo xe cải tiến để vận chuyển hàng hóa về bưu cục để giao cho khách hàng, Xiêm chỉ biết là những hàng hóa thông thường được phép kinh doanh, không biết nguồn gốc hàng hóa do T cung cấp không có hóa đơn, chứng từ. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Xiêm.

Đối với bà Lê Thị Nga, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị Hồng Nhung và cháu Nguyễn Lê Hiền M: Quá trình điều tra xác định những người này cho T mượn số tài khoản để thực hiện các giao dịch kinh doanh buôn bán hàng hóa nhưng không cùng kinh doanh, không được hưởng lợi từ việc kinh doanh của Lê Thị T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với bà Lê Thị Nga, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị Hồng Nhung và cháu Nguyễn Lê Hiền M.

Đối với các cá nhân xuất bán hàng hóa cho T, quá trình điều tra xác định: T có liên hệ với những cá nhân này để thực hiện mua hàng hóa phục vụ kinh doanh, tuy nhiên, T không yêu cầu xuất hóa đơn nên những cá nhân này không lập bảng kê hàng hóa và không xuất hóa đơn và thực hiện thanh toán do đó không xác định được số lượng đơn hàng. Ngoài ra do những cá nhân bán hàng cho T đều có quan hệ quen biết nên T với những cá nhân này có thực hiện các giao dịch vay cá nhân với nhau không xác định được giao dịch nào là kinh doanh hàng hóa và giao dịch nào là giao dịch dân sự. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định xử lý.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKS-VT ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P đã truy tố các bị cáo Lê Thị T về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3 Điều 200, điểm b, n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị T. Xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 1.500.000.000đ (một tỷ, năm trăm triệu đồng) đến 1.600.000.000đ (một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng, tài sản: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Yêu cầu Đội thuế liên huyện V - Lâm Thao, tỉnh P có trách nhiệm chuyển số tiền 5.250.000.000đ (*năm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng*) Lê Thị T đã tự nộp qua mạng (Etaxmobile) vào Ngân sách nhà nước từ ngày 12 đến ngày 22 tháng 01 năm 2024 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V để xử lý như sau: Thu hồi số tiền 3.739.326.630đ (*ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*) Lê Thị T trốn thuế để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Lê Thị T số tiền 1.510.673.370đ (*một tỷ, năm trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P; Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án do bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin giải quyết vắng mặt và trong đơn xin vắng mặt bị cáo trình bày trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo đã có bản tự khai và các biên bản hỏi cung trình bày toàn bộ nội dung của vụ án liên quan đến hành vi trốn thuế theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự, nay bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Như vậy bị cáo Lê Thị T thừa nhận trong các năm 2021, 2022, 2023, Lê Thị T là cá nhân kinh doanh đang kê khai, nộp thuế theo phương pháp khoán. Quá trình kinh doanh, mặc dù có thay đổi quy mô kinh doanh, doanh thu (tăng trên 50%) so với doanh thu đã khoán nhưng bị cáo không thực hiện kê

khai điều chỉnh, bổ sung Tờ khai thuế theo quy định. Từ năm 2022, 2023, Lê Thị T là cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đã xác định được doanh thu thực tế của năm trước liền kề là trên 10 tỷ đồng/năm, thuộc nhóm "Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn" và phải áp dụng nộp thuế theo phương pháp kê khai, thực hiện đầy đủ chế độ kế toán áp dụng đối với hộ kinh doanh. Tuy nhiên, Lê Thị T không thực hiện kê khai với cơ quan thuế để chuyển đổi phương pháp tính thuế từ phương pháp khoán sang phương pháp kê khai, không mở sổ kế toán ghi chép theo dõi các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định. Với các hành vi trên, Lê Thị T đã có hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 143 Luật Quản lý thuế số: 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Điều 17 Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Tổng số tiền thuế trốn là: 3.739.326.630đ (ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng). Trong đó thuế GTGT: 2.492.884.420đ (hai tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi đồng); thuế TNCN: 1.246.442.210đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng). Số tiền trốn thuế bị cáo Lê Thị T đã nộp khắc phục đủ.

[2.2]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Lê Thị T đã phạm tội "Trốn thuế" quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 200 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

...

b, Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp...

3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".

[2.3]. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi trốn thuế bị pháp luật cấm nhưng bị cáo đã không thực hiện kê khai với cơ quan thuế để chuyển đổi phương pháp tính thuế từ phương pháp khoán sang phương pháp kê khai, không mở sổ kế toán ghi chép theo dõi các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra với lỗi cố ý trực tiếp.

[2.4]. Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước, gây thất thu ngân sách Nhà nước, xâm hại

đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.5]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền thuế GTGT và thuế TNCN chưa nộp vào ngân sách Nhà nước. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo có thai và sinh con ngày 03/01/2025; bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi trốn thuế của bản thân; trong quá trình công tác tại Công an tỉnh P bị cáo đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba năm 2014 và được Giám đốc Công an tỉnh P khen thưởng đã có thành tích trong tham gia Hội thi Cảnh sát khu vực, Công an xây dựng phong trào và phụ trách xã về an ninh trật tự giỏi năm 2015, ngoài ra bị cáo đã ủng hộ qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho đồng bào bị ảnh hưởng của Con bão YAGI số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng, tài sản: Từ ngày 12/01/2024 đến ngày 22/01/2024, bị cáo Lê Thị T đã tự nộp tổng số tiền thuế là 5.250.000.000đ (*Năm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng*) qua mạng (Etaxmobile) vào ngân sách Nhà nước để nộp khắc phục tiền thuế do trước đó bị cáo không mở sổ kế toán theo dõi các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp theo quy định. Căn cứ vào Kết luận giám định ngày 26/04/2024 của Cục thuế tỉnh P, bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước tiền thuế trong các năm 2021, 2022, 2023 là: 3.739.326.630đ (*ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*). Trong đó thuế GTGT: 2.492.884.420đ (*hai tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*); thuế TNCN: 1.246.442.210đ (*một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng*), bị cáo đã nộp khắc phục đủ tiền trốn thuế và còn dư số tiền: 1.510.673.370đ (*một tỷ, năm trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*) cần xử lý như sau:

Yêu cầu Đội thuế liên huyện V - Lâm Thao có trách nhiệm chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P số tiền 5.250.000.000đ (*Năm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng*) để thu hồi số tiền 3.739.326.630đ (*ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*) bị cáo Lê Thị T trốn thuế nộp vào ngân sách Nhà nước và trả lại cho bị cáo Lê Thị T số tiền 1.510.673.370đ (*một tỷ, năm trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*) nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

[5]. Các vấn đề khác:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ biển kiểm soát 19L - 0347, số máy: HC12E2598450, số khung: RLHHC1204AY098384, đã qua sử dụng cùng 01 xe cải tiến. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave là tài sản hợp pháp của anh Lưu Bá Huân và chiếc xe cải tiến là tài sản hợp pháp của anh Tạ Văn Xiêm. Anh Huân và anh Xiêm không biết về hành vi vi phạm của Lê Thị T. Ngày 07/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu và tiến hành trao trả cho anh Lưu Bá Huân và anh Tạ Văn Xiêm các tài sản trên là phù hợp.

- Đối với 12.284 sản phẩm gồm: 11.381 sản phẩm là quần áo, giày dép không có tem, nhãn mác; 20 sản phẩm là đồ gia dụng; 112 sản phẩm là hóa mỹ phẩm; 134 sản phẩm trên xe máy biển kiểm soát 19L7-0347 gắn theo xe cải tiến; 637 sản phẩm là quần áo, giày dép có gắn tem nhãn mác của các nhãn hiệu MLB, Thom Brown, Gucci, Prada, Louis Vuitton, Levis, Dior, Buberly, Tommy, Chanel, Fendi, Hermes, Adidas, Lacoste, Michel Kors, Cross là quần áo, giày dép, đồ gia dụng...tạm giữ của Lê Thị T. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội "Trốn thuế" mà là đồ vật, tài sản trong vụ việc hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P chuyển nội dung này đến Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh P để xử lý theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

- Đối với những hàng hóa gắn nhãn mác có các thương hiệu đã thu giữ của T, T khai nhận do kinh doanh hàng thùng (hàng đã qua sử dụng), các sản phẩm này T không mua về để bán mà được giao đến cho T lẫn trong các kiện hàng; T cũng không trực tiếp sản xuất, gia công hoặc thuê sản xuất, gia công các sản phẩm trên, T không xác định được đây là hàng giả nhãn mác hay hàng hóa do các hãng sản xuất; quá trình điều tra không thu giữ được dữ liệu những lần T live stream bán hàng trên mạng, vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Lê Thị T về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" và toàn bộ số tiền thu lời do bán hàng mà có, T đã chi tiêu cá nhân hết, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định T có hành vi phạm tội "Rửa tiền" là phù hợp.

- Đối với Tạ Văn Xiêm là nhân viên của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh Thuận Phong - Chi nhánh Thái Nguyên - Bưu cục P được giao đến nhận hàng hóa tại kho của Lê Thị T nên Xiêm đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 19L7-0347 mang theo xe cải tiến để vận chuyển hàng hóa về bưu cục để giao cho khách hàng, Xiêm chỉ biết là những hàng hóa thông thường được phép kinh doanh, không biết nguồn gốc hàng hóa do T cung cấp không có hóa đơn, chứng từ. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Xiêm là phù hợp

- Đối với bà Lê Thị Nga, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị Hồng Nhung và cháu Nguyễn Lê Hiền M: Quá trình điều tra xác định những người này cho T mượn số tài khoản để thực hiện các giao dịch kinh doanh buôn bán hàng hóa nhưng không cùng kinh doanh với Lê Thị T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với bà Lê Thị Nga, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị Hồng Nhung và cháu Nguyễn Lê Hiền M là phù hợp.

- Đối với những cá nhân xuất bán hàng hóa cho T, quá trình điều tra xác định: T có liên hệ với những cá nhân này để thực hiện mua hàng hóa phục vụ kinh doanh, tuy

nhiên, T không yêu cầu xuất hóa đơn nên những cá nhân này không lập bảng kê hàng hóa và không xuất hóa đơn và thực hiện thanh toán do đó không xác định được số lượng đơn hàng. Ngoài ra do những cá nhân bán hàng cho T đều có quan hệ quen biết nên T với những cá nhân này có thực hiện các giao dịch vay tiền với nhau không xác định được giao dịch nào là kinh doanh hàng hóa và giao dịch nào là giao dịch dân sự. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định xử lý là phù hợp.

[6]. Về án phí: Bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[7]. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt cũng như các nội dung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm b, n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trốn thuế”.
2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Thị T 1.500.000.000đ (*một tỷ, năm trăm triệu đồng*).
3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị T.
4. Về xử lý vật chứng, tài sản:

Yêu cầu Đội thuế liên huyện V - Lâm Thao có trách nhiệm chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P số tiền 5.250.000.000đ (*Năm tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng*) là khoản tiền bị cáo Lê Thị T nộp qua mạng (Etaxmobile) vào ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước tỉnh P từ ngày 12/01/2024 đến ngày 22/01/2024 để xử lý như sau:

- Thu hồi số tiền 3.739.326.630đ (*ba tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*) bị cáo Lê Thị T trốn thuế để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị T số tiền 1.510.673.370đ (*một tỷ, năm trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền làm

đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- Phòng hồ sơ hình sự - Công an tỉnh P;
- THAHS - Công an tỉnh P
- CC THADS thành phố V, T. P;
- UBND P. P, TP. V, T. P;
- Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H